CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Cao su Sao vàng

Ngày 30/09/2024	27,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.2%	**-**	**-2.1%**

DT thuần
Q3/24
285
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.0| -13.2%
YoY: ▲ 53.0| 22.7%

LN thuần
Q3/24
7.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.88| -49.9%
YoY: ▼0.32| -3.9%

LN sau thuế
Q3/24
5.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▼108| -95.0%
YoY: ▼0.39| -6.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
4.3%
YoY: +/-▼ 51.1%

ROE (TTM)
Q3/24
27.9%
YoY: +/-▼ 0.4%

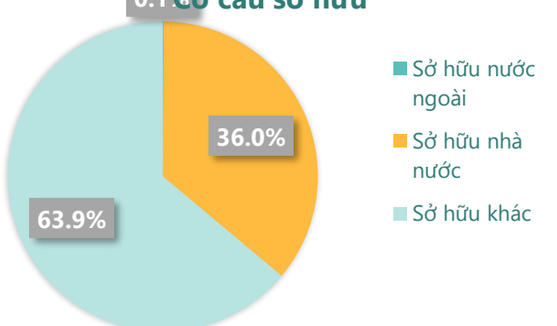
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	19,584 - 40,098
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	777
Số lượng CPLH (CP)	28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)	460
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.45)
EPS	4,848
P/E	5.7

DT thuần
9T 2024
788
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0| 11.1%

LN thuần
9T 2024
27.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.40| 36.2%

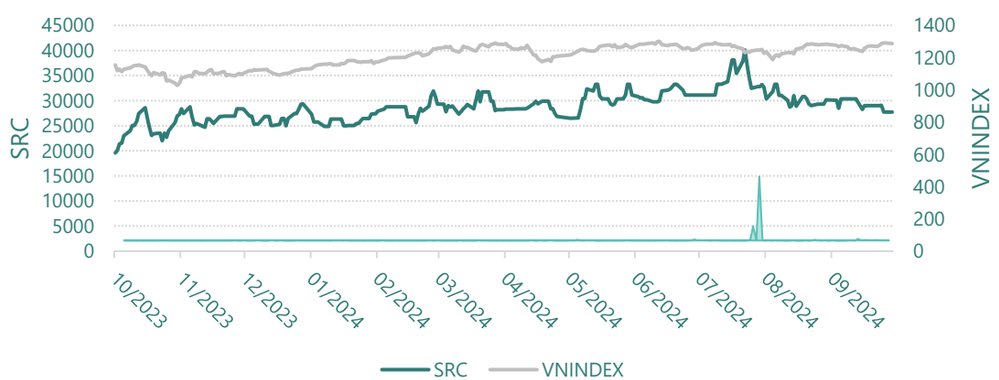
LN sau thuế
9T 2024
123
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 107| 655%

Cơ cấu sở hữu

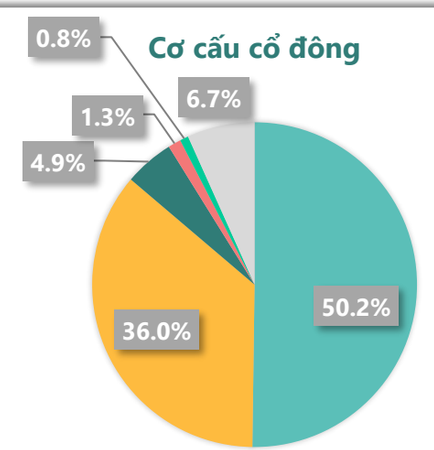


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

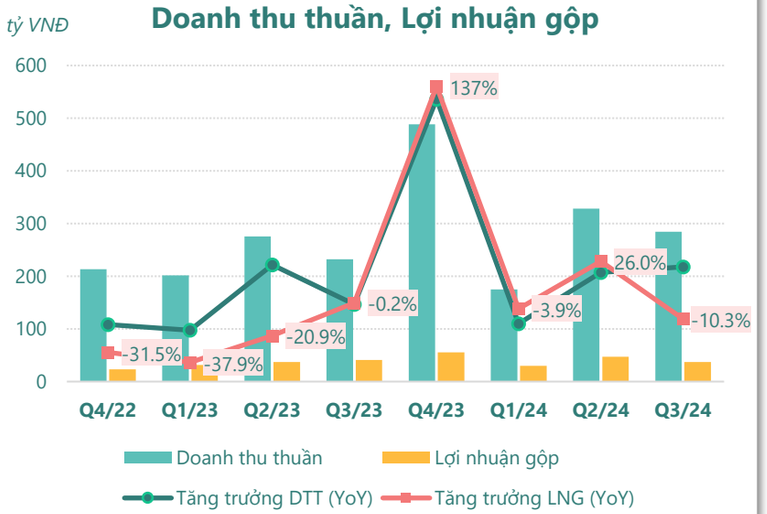


- CTCP Tập đoàn Hoành Sơn
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Nguyễn Tiến Ngọc
- Hồ Viết Hùng
- Công đoàn CTCP Cao su Sao vàng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

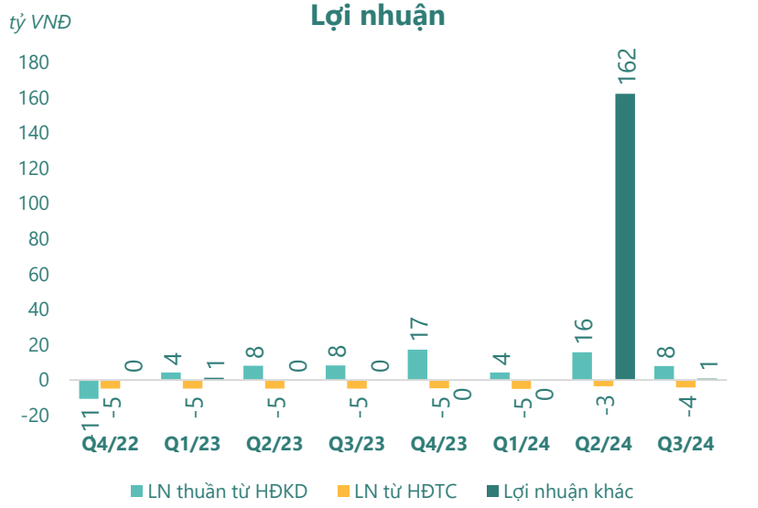
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



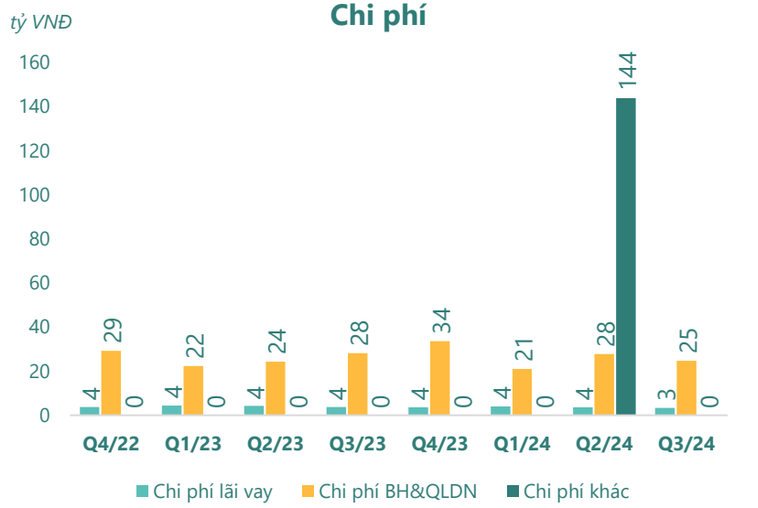
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



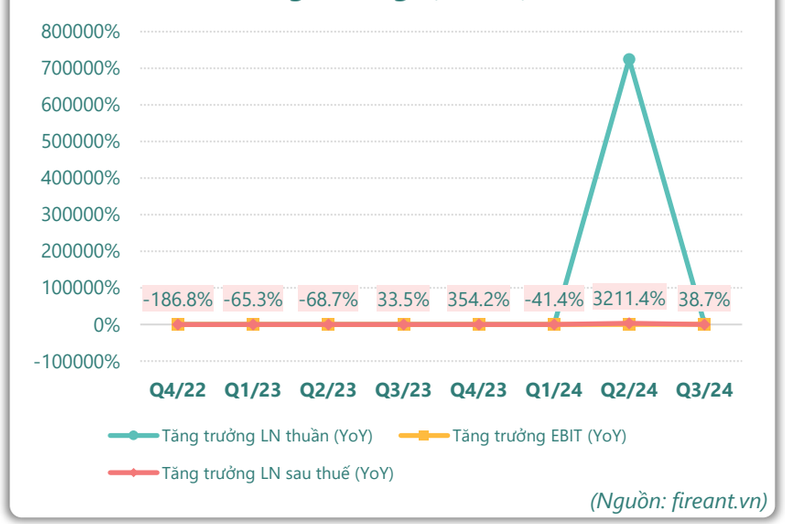
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



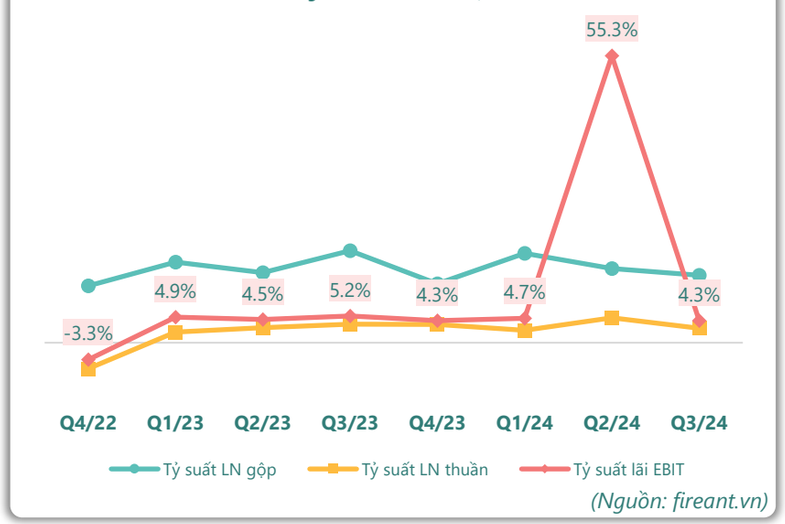
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



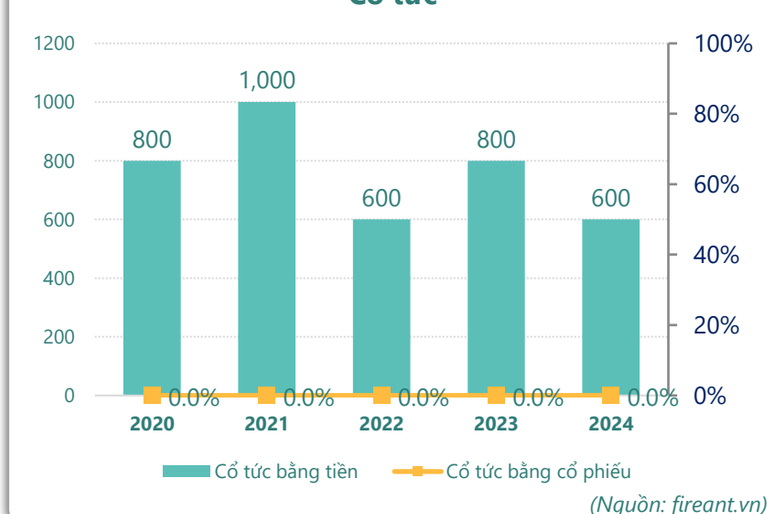
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

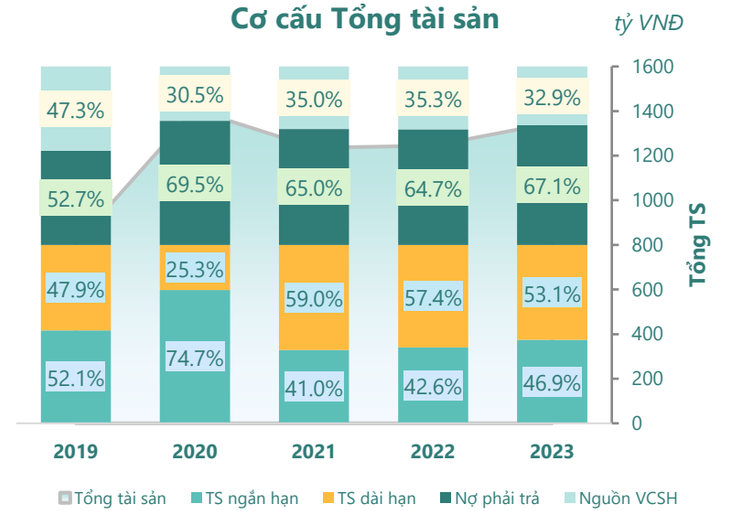
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

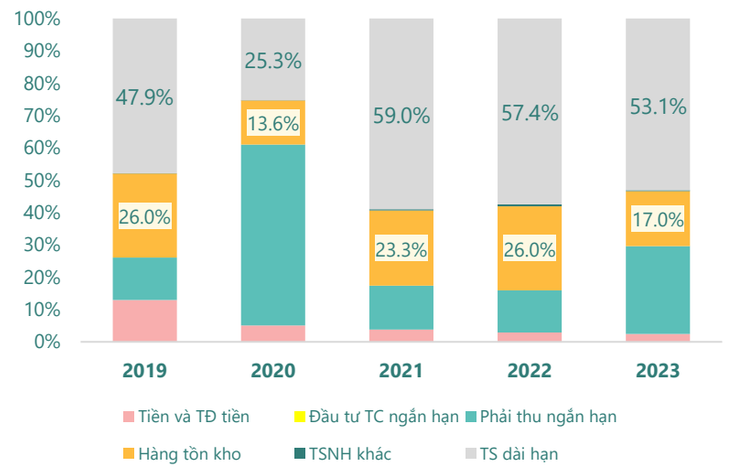
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



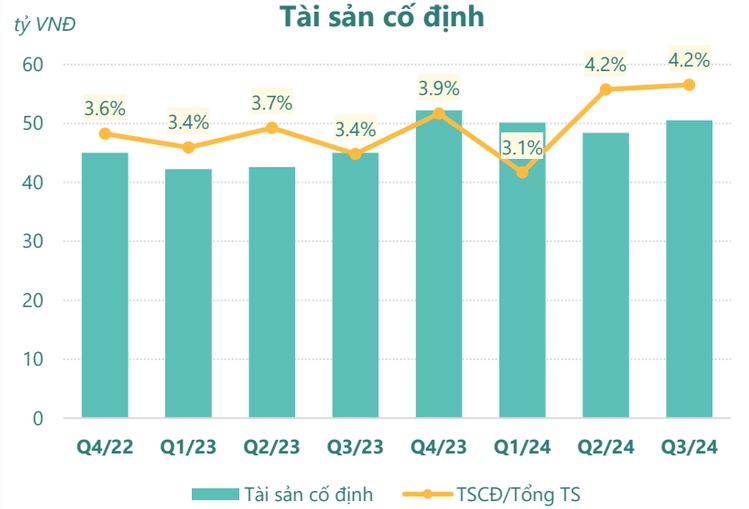
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



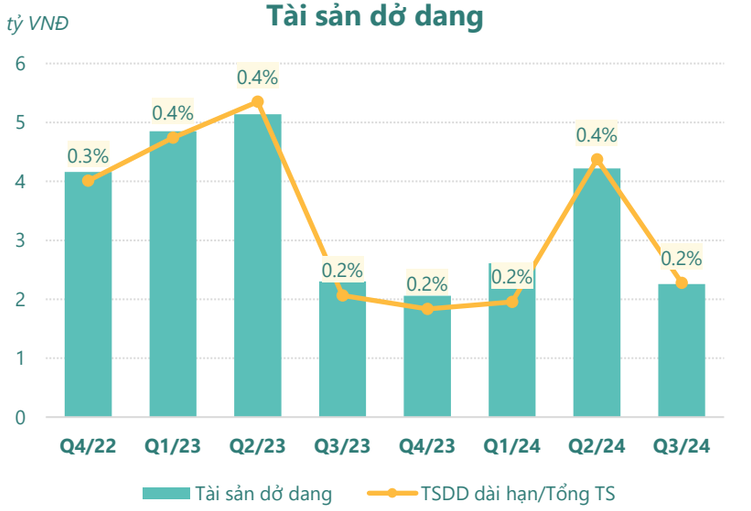
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



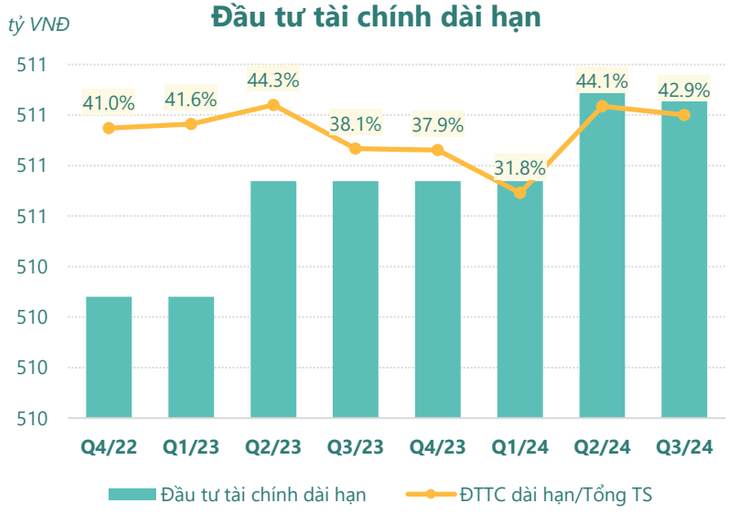
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



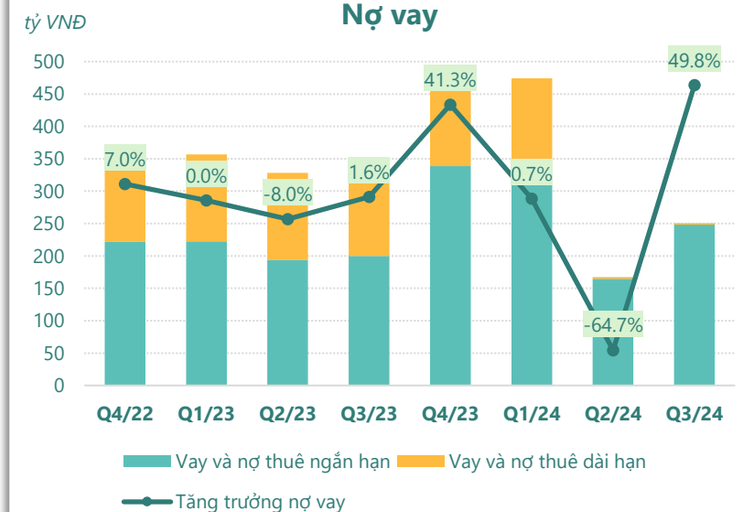
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

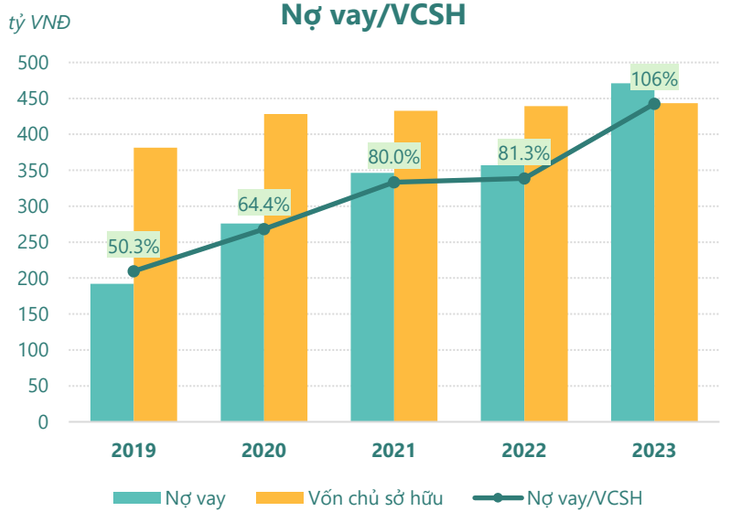
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

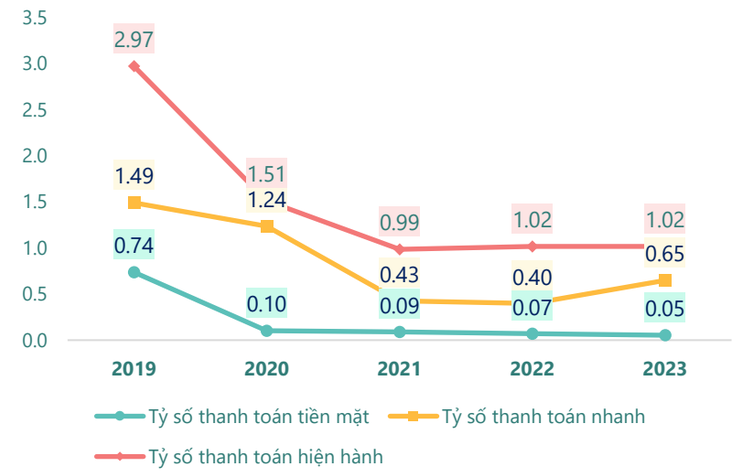
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



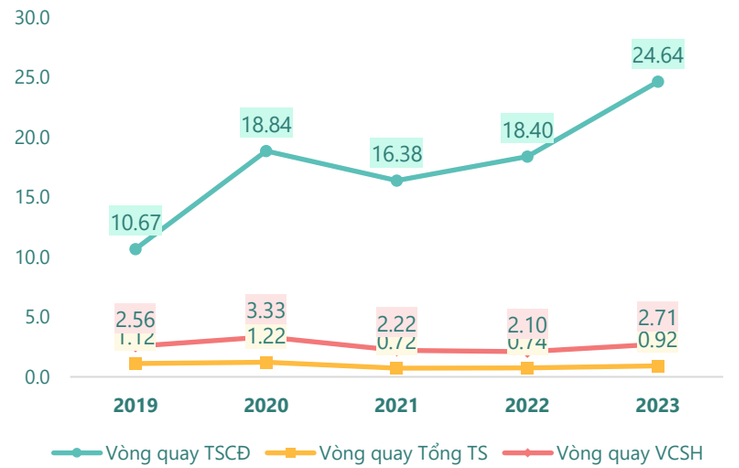
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



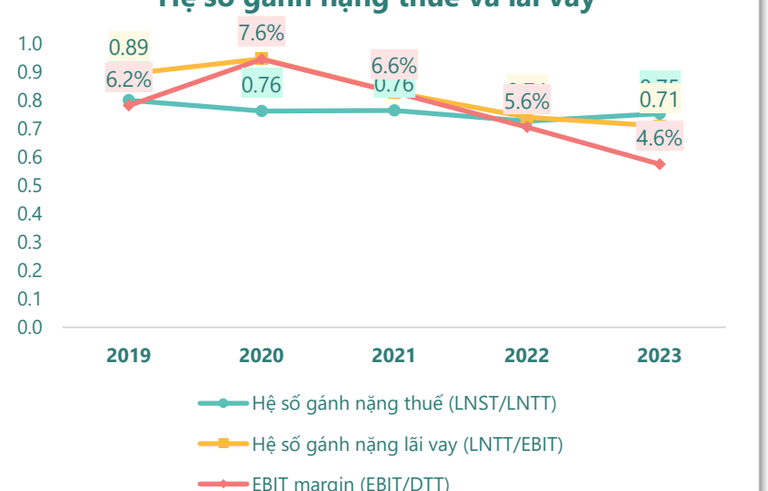
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



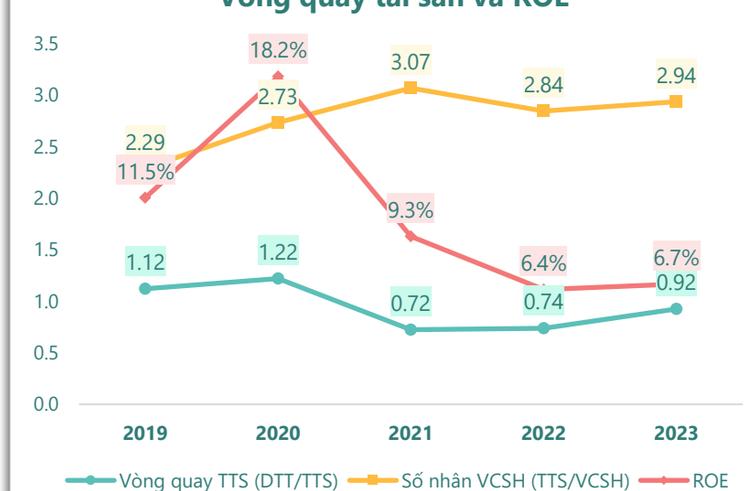
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



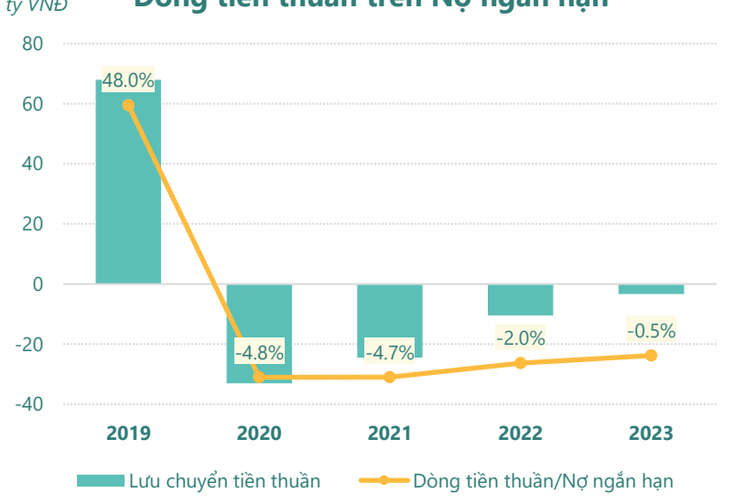
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**285**	**232**	**22.7%**	**788**	**709**	**11.1%**
Giá vốn hàng bán	248	191	29.7%	674	600	12.4%
Lợi nhuận gộp	36.9	41.2	-10.4%	114	110	3.9%
Doanh thu HĐTC	1.50	0.35	328%	3.21	1.09	195%
Chi phí TC	5.77	5.15	12.0%	16.0	15.7	1.7%
Chi phí lãi vay	3.40	3.69	-7.9%	11.1	12.4	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.58	9.26	3.5%	26.8	24.7	8.5%
Chi phí QLDN	**15.2**	**18.9**	**-19.8%**	**46.7**	**50.1**	**-6.8%**
LN thuần từ HĐKD	7.92	8.24	-3.9%	27.9	20.5	36.2%
Lợi nhuận khác	**0.80**	**0.02**	**3899%**	**163**	**1.40**	**11511%**
LN trước thuế	8.72	8.27	5.4%	191	21.9	773%
Lợi nhuận sau thuế	**5.69**	**6.08**	**-6.4%**	**123**	**16.3**	**655%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.69**	**6.08**	**-6.4%**	**123**	**16.3**	**655%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.4	28.2	-143	201	-194	-69.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.22	-2.75	-9.91	-137	430	0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.9	-17.2	138	2.49	-308	66.3
Tiền đầu kỳ	26.3	39.6	47.9	33.1	99.6	28.5
Lưu chuyển tiền thuần	**13.2**	**8.32**	**-14.8**	**66.5**	**-71.1**	**-2.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0.01	-0.03	0.01	-0.02	-0.07
Tiền cuối kỳ	39.6	47.9	33.1	99.6	28.5	25.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,191**	**1,347**	**-11.6%**
Tài sản ngắn hạn	527	631	-16.5%
Tiền và tương đương tiền	25.6	33.1	-22.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	263	366	-28.3%
Hàng tồn kho	234	229	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.30	3.39	26.7%
Tài sản dài hạn	**664**	**716**	**-7.2%**
Phải thu dài hạn	98.4	6.51	1411%
Tài sản cố định	50.5	52.2	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.26	2.06	9.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	511	511	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.47**	**144**	**-98.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	645	903	-28.6%
Nợ ngắn hạn	**493**	**621**	**-20.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	248	338	-26.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	160	93.5	70.7%
Nợ dài hạn	152	282	-46.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.37	133	-98.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**546**	**443**	**23.2%**
Vốn chủ sở hữu	**546**	**443**	**23.2%**
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)